

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV21B1LX**

Năm học: **21-22**

Mã môn học/ Mô đun: **MH04289**

Học kỳ: **01**

Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng Anh**

Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBV0383	Nguyễn Thị Thúy An	24/02/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
2	21BTBV0384	Trần Thái Bình	05/12/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
3	21BTBV0385	Phạm Thị Hồng Cúc	03/03/2003			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
4	21BTBV0386	Trần Thị Hoàng Dung	23/12/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
5	21BTBV0387	Nguyễn Thị Cẩm Dũng	30/11/2006			6	0	6.5	0	0				0.0	0.0	1.0
6	21BTBV0388	Nguyễn Tấn Đạt	20/08/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
7	21BTBV0389	La Hồng Hạnh	28/12/2006			6	9	5	5	8.5				4.0		5.0
8	21BTBV0390	Nguyễn Lê Thúy Hằng	17/08/2006			9	8	8.5	6	9.5				6.0		6.9
9	21BTBV0391	Huỳnh Bảo Hân	01/01/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
10	21BTBV0392	Nguyễn Thị Thuý Hoa	30/10/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
11	21BTBV0393	Nguyễn Huy Hoàng	14/12/2003			9	8	10	9	5				8.4		8.3
12	21BTBV0394	Nguyễn Thị Hồng Huyền	15/12/2006			7	8	6	5	7.5				4.4		5.2
13	21BTBV0395	Trần Nhật Khoa	04/04/2006			7	8	7.5	7	10				6.0		6.8
14	21BTBV0396	Nguyễn Ngọc Lân	07/01/2006			10	0	10	0	0				0.0	0.0	1.5
15	21BTBV0397	Phạm Thị Tuyết Mi	08/05/2006			7	0	6	0	0				0.0	0.0	1.0
16	21BTBV0398	Lê Thị Tuyết Ngân	26/10/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
17	21BTBV0399	Trần Vãng Kim Ngân	10/07/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
18	21BTBV0400	Phan Thị Xuân Nhụy	09/05/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
19	21BTBV0401	Lâm Thị Thảo Nguyên	20/10/2005			0	0	0	8	0				0.0	0.0	0.8
20	21BTBV0402	Nguyễn Huỳnh Nhân	25/12/2004			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
21	21BTBV0403	Nguyễn Nguyệt Nhi	15/08/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
22	21BTBV0404	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	24/07/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
23	21BTBV0405	Huỳnh Sắc Như	13/12/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
24	21BTBV0406	Nguyễn Thị Quỳnh Như	01/08/2006			6	0	2	4	0				0.0	0.0	0.9
25	21BTBV0407	Trần Hữu Phát	02/09/2006			5	0	0	0	0				0.0	0.0	0.3
26	21BTBV0408	Lâm Hoàng Quyên	24/09/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
27	21BTBV0409	Lê Quỳnh	21/10/2006			0	0	8	0	0				0.0	0.0	0.8
28	21BTBV0410	Nguyễn Lâm An Thuận	13/04/2006			4	0	4	0	0				0.0	0.0	0.6
29	21BTBV0411	Nguyễn Thị Anh Thư	29/09/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
30	21BTBV0412	Phan Thị Tiên Tiên	30/05/2006			8	8	7	8	8				3.0	5.0	6.1
31	21BTBV0413	Nguyễn Thu Thùy Trang	22/05/2005			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
32	21BTBV0414	Vương Thị Ngọc Trâm	27/10/2006			9	8	10	9	10				9.2		9.3
33	21BTBV0415	Lê Quang Triệu	23/01/2006			0	0	0	0	0				0.0	0.0	0.0
34	21BTBV0416	Lâm Thị Hồng Trinh	10/11/2006			5	8	4	5	5				5.0		5.1
35	21BTBV0417	Kiều Ngọc Yến	09/10/2006			9	8	4	7.5	10				0.0	0.0	3.0

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
36	21BTBV0568	Lê Minh	Hằng	02/10/2006			6	8	4	4	5		0.0	0.0	2.0
37	21BTBV0569	Đoàn Thị Khánh	Ngọc	08/05/2006			0	0	0	0	0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 28 tháng 9 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Lê Thùy Trang